

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04/02/2021

“V/v ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Ngọc Duyên.

2- Ông Bùi Minh Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đen, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 221/2020/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim H, sinh ngày 12/6/1996 (có mặt).

Địa chỉ: Số 170/10 Nguyễn B, Phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2- Bị đơn: Anh Danh Hoàng N, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu P, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Kim H trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Danh Hoàng N kết hôn với nhau vào năm 2016, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục ở địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 17/6/2016 tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh ra mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường cự cãi nhau, thậm chí anh N còn có hành vi đánh đập chị. Từ đó vợ chồng đã ly thân cho đến nay.

Về con chung: Có 02 người con tên Danh Kinh H, sinh ngày 29/6/2013 và Danh Kinh T, sinh ngày 13/7/2016, từ khi ly thân cho đến nay anh N chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Nay chị đồng ý giao các cháu cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị thừa nhận không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn anh Danh Hoàng N Tòa án đã tổng đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị Kim H.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị Kim H vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu nêu trên.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung:

Về hôn nhân: Ghi nhận yêu cầu của chị Trần Thị Kim H xử cho chị Trần Thị Kim H và anh Danh Hoàng N ly hôn.

Về con chung: Ghi nhận yêu cầu của chị Trần Thị Kim H giao cháu Danh Kinh H, sinh ngày 29/6/2013 và Danh Kinh T, sinh ngày 13/7/2016 cho anh Danh Hoàng N chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Kim H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và phần nợ chung: Chị Trần Thị Kim H thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con và bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với chị Trần Thị Kim H được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Danh Hoàng N.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Kim H và anh Danh Hoàng N kết hôn với nhau vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn ngày 17/6/2016 tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang nên hôn nhân của chị Kim H và anh N là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến cự cãi và xung đột với nhau nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2029 cho đến nay, trong thời gian qua vợ chồng cũng không gặp nhau để tự hòa giải.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Kim H xử cho chị Trần Thị Kim H và anh Danh Hoàng N ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị Trần Thị Kim H và anh Danh Hoàng N có 02 người con tên Danh Kinh H, sinh ngày 29/6/2013 và Danh Kinh T, sinh ngày 13/7/2016, từ khi ly thân đến nay anh N chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Chị Kim H yêu cầu giao 02 cháu cho anh Danh Hoàng N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, yêu cầu của chị Kim H là có cơ sở. Bởi vì, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay anh N chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu và hiện nay anh N và các con anh đã bỏ địa phương đi nơi khác làm ăn không rõ ở đâu nên Tòa án không tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu Danh Kinh H. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận yêu cầu của chị Kim H giao cháu Danh Kinh H và Danh Kinh T cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Kim H không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị Kim H thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Kim H phải chịu 300.000đ. Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ. Vậy chị Kim H đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nêu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Kim H và anh Danh Hoàng N được ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận yêu cầu của chị Trần Thị Kim H là giao cháu Danh Kinh H, sinh ngày 29/6/2013 và Danh Kinh T, sinh ngày 13/7/2016 cho anh Danh Hoàng N chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Kim H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Kim H có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị Kim H và anh N có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị Kim H thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Kim H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0007002, ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị Kim H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị Kim H có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (04/02/2021). Đối với anh N vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND thị trấn Thứ Ba;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm

